

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRÙNG KHÁNH  
TỈNH CAO BẰNG**

Bản án số: 02 /2019/HNGĐ - ST

Ngày 24/5/2019

V/v: Ly hôn giữa chị Q và anh T

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH – TỈNH CAO BẰNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông La Văn Viên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Hoàng Ánh Tuyết

2. Ông Trần Văn Thành

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Công Thị Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa:**  
Ông Hoàng Đức Cường - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh xét xử công khai vụ án thụ lý số: 10/ 2019/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2019 về việc "Xin Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/ 2019/QĐXX - ST ngày 25 tháng 04 năm 2019 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: chị Nông Thị Q; Sinh năm: 1993

Trú tại: xóm N G - xã T P - huyện T L - tỉnh CB.

(Có mặt)

Bị đơn: anh Vương Văn T; Sinh năm: 1991

Trú tại: xóm P N, B H - xã N C - huyện T K - tỉnh C B.

(Vắng mặt) không có lý do

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 02 năm 2019 và bản tự khai ngày 27 tháng 3 năm 2019 trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nông Thị Q trình bày như sau:* tôi (Q) và anh T kết hôn vào ngày 23/3/2015, Việc kết hôn trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Có Giấy đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N C. Sau khi kết hôn vợ chồng có tình cảm sống hoà thuận, gia đình hạnh phúc, đã có thời gian sống chung được 02 năm, con chung chưa có.

Nguyên nhân lý do chị Q xin ly hôn anh T là trong thời gian sống chung tính tình không hợp quan điểm không thống nhất hay xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, tháng 5 năm 2016 tôi phát hiện anh T mắc vào tệ nạn

xã hội (nghiện ma túy) mặc dù tôi có khuyên bảo nhưng anh T không nghe mà còn bán hết tài sản trong gia đình để có tiền mua ma túy. Ngoài ra anh T còn kiêu căng và hành hung tôi nên tôi đã bỏ về nhà bố mẹ để tại xóm N G, xã T P, huyện T L từ tháng 8 năm 2018 đến nay. Tôi cảm thấy cuộc sống chung vợ chồng không được hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi làm đơn xin ly hôn.

Chính thức cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 8 năm 2018 đến nay.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi và T được ly hôn.

- Về con chung không có.

- Về tài sản riêng và chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập hợp lệ bị đơn anh Vương Văn T nhiều lần, để tiến hành các thủ tục như tự khai, lấy lời khai, hòa giải nhưng bị đơn đã cố tình lẩn tránh không có mặt nên Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của bị đơn được.

Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn chị Q cung cấp cho Tòa án: Giấy chứng nhận kết hôn, giấy chứng minh nhân dân.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh phát biểu quan điểm:*

Qua nghiên cứu hồ sơ thấy rằng, về việc tuân theo pháp luật tổ tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật.

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ hôn nhân. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 19, Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nông Thị Q yêu cầu ly hôn với anh Vương Văn T.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, chị Quyền phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tổ tụng dân sự: Chị Q và anh T có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Chị Q có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện T K, tỉnh Cao Bằng giải quyết việc hôn nhân của anh chị. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh T là quan hệ hợp pháp, có đăng ký kết hôn vào ngày 23 tháng 5 năm 2015 tại UBND xã N C, huyện T K, tỉnh Cao Bằng. Xét thấy, về mặt tình cảm vợ chồng, thực tế đã có cuộc sống chung 02 năm nhưng con chung chưa có.

Nguyên nhân, lý do xin ly hôn theo chị Q trình bày là do: Trong quá trình sống chung chị Q và anh T bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay xảy ra nhiều mâu thuẫn, do anh T mắc vào tệ nạn xã hội nghiện ma túy mặc dù chị và gia đình khuyên bảo đưa anh đi cai, nhưng anh T không nghe dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Q xin ly hôn. Anh, chị đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2018 cho đến nay.

[3] Đối với bị đơn anh Vương Văn T Tòa án đã triệu tập nhiều lần để lấy lời khai và hòa giải theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh T cố tình lẩn tránh không hợp tác, không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của anh Vương Văn T Được. Theo nguồn tin của cơ sở xóm, xã và mẹ đẻ anh T thì anh Vương Văn T có mặt tại địa phương, nhận được giấy triệu tập của Tòa án nhưng anh cố tình lẩn tránh không hợp tác với Tòa án để làm thủ tục giải quyết việc ly hôn với chị Nông Thị Q.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Q không còn tình cảm với anh T, chị tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Xét thấy chị Q và anh T đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2018 cho đến nay. Anh chị không còn tình cảm vợ chồng, Chị Q và anh T không thể hàn gắn quay lại sống chung với nhau được, hơn nữa anh chị đã tự cắt đứt quan hệ vợ chồng trong một thời gian dài. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh chị không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị Q làm đơn xin ly hôn với anh T là có căn cứ, đúng pháp luật và đúng với các quy định của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.

[4] Về con chung: chưa có.

[5] Về tài sản: Tài sản hồi môn ngày cưới, tài sản chung, tài sản riêng không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Q là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: chị Q và anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 19, Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về thu nộp án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nông Thị Q ly hôn anh Vương Văn T.
2. Về con chung: chưa có, không xem xét giải quyết.

3. Về chia tài sản: Không có, không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Q phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm dân sự để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận chị Q đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng chẵn) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T K theo Biên lai số AA/2018/0002170 ngày 14 tháng 3 năm 2019.

5. Báo cho các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Vương Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**\* Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ TA tỉnh;
- VKSND TK;
- THADS TK;
- UBND xã Ngọc Côn;
- UBND xã Trí Phương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M Hội đồng xét xử sơ thẩm  
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa  
(đã ký)**

**La Văn Viên**